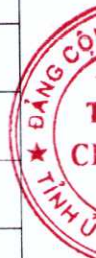


Thái Nguyên, ngày 20 tháng 10 năm 2021

DANH SÁCH ĐIỂM THI

**PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 55, TẠI TRƯỜNG**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Trần Văn Chân	1	52	7,0	Bảy	
2	Nguyễn Thị Chiến	2	51	7,0	Bảy	
3	Nguyễn Thị Kim Chung	3	28	8,0	Tám	
4	Vũ Duy Cương	4	55	7,0	Bảy	
5	Lý Văn Dén	5	01	7,0	Bảy	
6	Nguyễn Thị Dịu	6	34	7,5	Bảy rưỡi	
7	Bùi Thị Duyên	7	46	7,5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Văn Đình	8	16	7,5	Bảy rưỡi	
9	Lương Thị Hồng Đức	9	27	7,5	Bảy rưỡi	
10	Lê Mạnh Đức	10	40	7,0	Bảy	
11	Bùi Bằng Giang	11	25	7,0	Bảy	
12	Cam Văn Giáp	12	41	7,0	Bảy	
13	Lê Hải Hà	13	20	7,5	Bảy rưỡi	
14	Lương Thị Hà	14	02	8,0	Tám	
15	Bùi Thị Hải	15	29	8,0	Tám	
16	Nguyễn Thị Thái Hà	16	31	8,0	Tám	
17	Nguyễn Thế Hanh	17	26	7,0	Bảy	
18	Hà Thị Hiên	18	09	8,0	Tám	
19	Nguyễn Kim Hiếu	19	17	7,5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	20	07	8,0	Tám	
21	Ngô Quang Hòa	21	11	7,0	Bảy	
22	Nguyễn Mạnh Hoàng	22	63	7,0	Bảy	



[Handwritten signature]

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Thị Hồng	23	22	8,0	Tám	
24	Đồng Văn Huê	24	60	7,0	Bảy	
25	Nông Thị Hiền Hương	25	50	8,0	Tám	
26	Đặng Thị Thu Hương	26	43	7,5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Thị Huyền-1988	27	08	8,0	Tám	
28	Nguyễn Thị Huyền-4/1986	28	59	8,0	Tám	
29	Nguyễn Thị Huyền-1986	29	06	7,5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Huyền -1982	30	03	8,0	Tám	
31	Nguyễn Thị Huyền Nhung	31	48	8,0	Tám	
32	Vũ Văn Khiêm	32	47	7,5	Bảy rưỡi	
33	Lương Thị Lan	33	18	8,0	Tám	
34	Nguyễn Tuấn Linh	34	62	7,0	Bảy	
35	Bùi Đình Luy	35	33	7,5	Bảy rưỡi	
36	Đào Bá Lưu	36	05	7,0	Bảy	
37	Nguyễn Thị Hà Ly	37	64	7,5	Bảy rưỡi	
38	Phạm Thị Quỳnh Mai	38	45	7,5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Hồng Mạnh	39	56	7,0	Bảy	
40	Đỗ Xuân Nghĩa	40	53	7,0	Bảy	
41	Hứa Thị Hồng Nguyên	41	36	7,5	Bảy rưỡi	
42	Vũ Thị Nguyệt	42	54	7,0	Bảy	
43	Cao Bá Phú	43	37	8,0	Tám	
44	Bùi Thị Hồng Phụng	44	38	7,5	Bảy rưỡi	
45	Trần Văn Quyền	45	30	7,0	Bảy	
46	Nông Thị Sáu	46	35	7,0	Bảy	
47	Phạm Hồng Tâm	47	42	7,0	Bảy	
48	Lý Thị Thắm	48	13	8,0	Tám	
49	Nguyễn Thị Phương Thảo	49	04	7,0	Bảy	
50	Nông Thị Hương Thảo	50	57	7,5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Thịnh	51	21	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
52	Trần Thị Ngọc Thơm	52	19	8,0	Tám	
53	Phan Thị Minh Thu	53	14	7,5	Bảy rưỡi	
54	Nguyễn Huy Thuận	54	44	7,0	Bảy	
55	Kiều Văn Thuyên	55	23	7,5	Bảy rưỡi	
56	Lục Dân Tiên	56	24	7,5	Bảy rưỡi	
57	Lê Thị Hồng Trang	57	49	8,0	Tám	
58	Lương Khánh Trình	58	39	8,0	Tám	
59	Phạm Thị Thanh Tú	59	12	7,5	Bảy rưỡi	
60	Dương Anh Tú	60	32	7,5	Bảy rưỡi	
61	Lương Anh Tuấn	61	61	7,0	Bảy	
62	Bùi Quốc Tuấn	62	15	7,0	Bảy	
63	Bùi Anh Tuấn	63	58	7,5	Bảy rưỡi	
64	Vũ Thị Xuân	64	10	8,0	Tám	



**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**

Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên